

Bản án số: 107/2017/HSPT

Ngày: 15-11-2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bạch Đăng Thi

*Các thẩm phán:* Ông Ngô Quang Dũng

Ông Ong Thân Thắng

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

*Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thế, Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 142/2017/HSPT ngày 02/10/2017 do có kháng cáo của người bị hại anh Đồng Văn K1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***\* Bị cáo:***

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Tên gọi khác: không; Nơi ĐKNKTT: thôn B1, xã Q, huyện L N, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 6/12; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị L; Vợ: Đồng Thị T, sinh năm 1981; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2016; Anh chị em ruột: Có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự : Không; Bị cáo đầu thú, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

***\* Người bị hại có kháng cáo:*** Anh Đồng Văn K1, sinh năm 1982 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: thôn T, xã Q, huyện L N, tỉnh Bắc Giang

***\* Người làm chứng:*** Anh Bùi Văn N, sinh năm 1989 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn T K, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện Lục Ngạn và bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/10/2016, anh Đồng Văn K1, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã Q, huyện L N điều khiển xe mô tô chở anh Bùi Văn N; Trú tại thôn T K, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là em rể của anh K1) đi từ huyện L để về huyện L N. Khi đi đến địa phận thôn K, xã P, huyện L N thì gặp bị cáo Nguyễn Văn T (là anh rể của anh K1) đi xe mô tô ngược chiều. Do trước đó giữa bị cáo T với anh K1 có mâu thuẫn, nên khi thấy anh K1, T gọi nên anh K1 dừng xe lại. Bị cáo T có nói với anh K1 “Hai anh em vào quán uống nước nói chuyện”, nghe vậy anh K1 nói “Tao lại phải uống ược với loại mày à” nên giữa bị cáo T và anh K1 đã xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Sau đó bị cáo T có nói “Mẹ tao cũng như mẹ mày...” rồi bị cáo T đi ra mở cốp xe mô tô của mình mục đích để lấy dao để ở trong cốp xe. Lúc này, anh N có chạy đến can nhưng bị cáo T đã đẩy anh N ra rồi mở cốp xe mô tô lấy 01 con dao (loại dao liềm phát đã bị gãy phần mũi dao), dài khoảng 30 cm, bản dao rộng khoảng 05 cm, tay phải bị cáo T cầm dao lao vào anh K1 giằng co, anh K1 bị dao cứa rách ở kẽ ngón I, II tay trái và T tiếp tục chém một nhát vào bả vai trái của anh K1. Lúc này anh K1 đang ngồi trên xe mô tô có dùng mũ bảo hiểm xe mô tô đỡ nhưng vẫn bị lưỡi dao trúng vào bả vai trái, sau đó anh K1 bỏ chạy vào trong vườn vải của gia đình ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1967 ở thôn K3, xã P, huyện L N. T cầm dao đuổi theo anh K1 được khoảng 50 mét thì vứt dao tại vườn vải rồi lao vào định đánh nhau với anh K1 nhưng đã được anh N chạy đến can ngăn. Sau đó anh N đã đưa anh K1 đến Phòng khám đa khoa Bắc Thăng Long sơ cứu, ngày 21/10/2016 anh K1 tiếp tục đến Bệnh viện đa khoa khu vực Lục Ngạn điều trị đến ngày 24/10/2016 thì ra viện. Ngày 18/10/2016 anh Đồng Văn K1 có đơn đến Công an huyện L N đề nghị giải quyết. Sau khi dùng dao chém gây thương tích cho anh K1, ngày 19/10/2016 Nguyễn Văn T đến Công an xã Q, huyện L N đầu thú và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân

Tại biên bản làm việc với Phòng khám đa khoa Bắc Thăng Long, xác định tình trạng thương tích ban đầu của anh Đồng Văn K1 như sau: Vết thương phía sau bả vai trái kích thước 05cm, miệng gọn và vết thương giữa ngón tay I, II bàn tay trái khoảng 02cm, ngoài ra không có vết thương nào khác. Đã tiến hành khâu cầm máu, sau đó gia đình anh K1 xin chuyển lên bệnh viện đa khoa khu vực huyện L N ngày 18/10/2016. Ngày 09/11/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L N đã quyết định trưng cầu giám định đối với thương tích của anh Đồng Văn K1. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 7510/16/TgT, ngày 17/11/2016 của T tâm pháp y tỉnh Sở y tế Bắc Giang đã kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
  - Thương tích vết sẹo vùng vai trái: 08%.
  - Thương tích vết sẹo kẽ ngón I, II tay trái: 02%.
2. Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số: 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 10%.

### 3. Kết luận khác :

- Vật gây thương tích: Do vật sắc gây nên.
- Trong giám định pháp y không sử dụng thuật ngữ “cổ tật” mà chỉ xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do di chứng vết thương, chấn thương gây ra tại thời điểm giám định.
- Thương tích không ảnh hưởng đến thẩm mỹ.
- Chiều hướng gây thương tích:
  - + Thương tích vết sẹo vùng vai trái: Chéch từ sau ra trước, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải.
  - + Thương tích vết sẹo kẽ ngón I, II tay trái: Không xác định được chiều hướng.

Đối với vật chứng là con dao mà T đã sử dụng chém gây thương tích cho anh K1, T khai đã vứt tại vườn vải của gia đình ông Nguyễn Văn T ở thôn K3, xã P. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đồng Văn K1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe, chi phí điều trị vết thương, tiền công mất thu nhập cho anh và 01 người chăm sóc trong thời gian anh phải nằm điều trị vết thương, tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, bù đắp tổn thất về tinh thần mà anh phải gánh chịu. Ngày 20/3/2017 bị cáo đã tự giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L N, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Đồng Văn K1 số tiền 14.821.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự. Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng là tiền bị cáo tự giao nộp tại cơ quan điều tra để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Nhưng tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST. Đối với án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị cáo phải chịu án phí là 741.050 đồng.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231; Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2017 anh Đồng Văn K1 là người bị hại kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”, phạt tù giam đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tại phiên toà người bị hại anh Đồng Văn K1 xác định lại nội dung kháng cáo: Đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”, phạt tù giam đối với bị cáo Nguyễn Văn T, kháng cáo toàn bộ bản án.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự: Đề nghị HĐXX xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Đồng Văn K1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

Anh Đồng Văn K1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

\* Bị cáo Nguyễn Văn T: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

\* Anh K1 tranh luận: Chỉ tranh luận về tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bồi thường khắc phục hậu quả được quy định tại các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Còn các vấn đề khác thì không tranh luận gì.

\* Kiểm sát viên đối đáp: Việc sau khi xảy ra sự việc bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; đã thể hiện thái độ tích cực bồi thường cho người bị hại, nên quan điểm của Viện Kiểm sát là áp dụng cho bị cáo các điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

\* Anh K1: Không tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bị hại, người làm chứng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Đơn kháng cáo của anh Đồng Văn K1 làm trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, anh Đồng Văn K1 xác định lại nội dung kháng cáo: Đề nghị xét xử bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Giết người”, phạt tù giam đối với bị cáo Nguyễn Văn T, kháng cáo toàn bộ bản án.

Anh Đồng Văn K1 cho rằng bị cáo T có thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải là không đúng, bản thân bị cáo T có ý thức muốn giết hại anh từ lâu. Cụ thể là lần 1 vào khoảng tháng 7/2015 bị cáo T đã gây gỗ với anh tại quán nước. Lần thứ 2 là ngày 18/10/2017, bị cáo dùng dao chém anh vào bả vai trái, sau khi anh bỏ chạy vào vườn vải mà bị cáo vẫn có thái độ hung hăng, đuổi theo anh. Lần thứ 3 là sau khi xảy ra sự việc chém anh vào bả vai trái bị thương tích thì ngày 28/4/2017 bị cáo còn có hành vi muốn giết hại anh và cả gia đình anh thông qua việc gọi điện dọa nạt. Song tất cả các sự việc trên không có căn cứ gì để chứng minh, anh và gia đình cũng không báo cáo sự việc với cơ quan chức năng.

[3] Xét kháng cáo của anh Đồng Văn K1 thấy:

Về tội danh: Do có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 13 giờ 30 phút ngày 18/10/2016, tại địa phận thôn K, xã P, huyện L N bị cáo Nguyễn Văn T đã dùng 01 con dao loại dao liềm phát đã bị gãy phần mũi dao), dài khoảng 30 cm, bản dao rộng khoảng 05 cm là con dao bị cáo thường xuyên sử dụng để đi cắt thuốc nam gây thương tích tại kẽ ngón I, II tay trái và phía sau bả vai trái của anh Đồng Văn K1. Hậu quả làm anh K1 bị thương và bị tổn hại 10% sức khỏe. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường sức khỏe của người khác và coi thường pháp luật đã xâm hại trực tiếp đến sức khỏe con người. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Bị cáo gây thương tích cho anh K1 là 10% (dưới 11%) nhưng bị cáo đã sử dụng con dao liềm là hung khí nguy hiểm. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Người bị hại anh Đồng Văn K1 cho rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện đối với anh K1 là hành vi cấu thành tội “Giết người” là không có căn cứ. Bởi vì bị cáo T không có ý thức tước đoạt tính mạng của anh K1, giữa bị cáo T và anh K1 đã có mâu thuẫn từ trước, khi bị cáo mời anh K1 và anh N vào quán nước để uống nước nói chuyện nhưng chính anh K1 đã có lời lẽ kích động bị cáo trước, do đó dẫn đến mâu thuẫn và hai bên có lời qua tiếng lại, do bức xúc nên bị cáo T

có sử dụng con dao liềm chém 01 nhát vào phía sau bả vai trái của anh K1. Vị trí mà bị cáo gây thương tích cho anh K1 là bả vai trái, không phải là chỗ hiểm yếu trên cơ thể, không thể dẫn đến hậu quả chết người. Bị cáo không có ý thức chuẩn bị sẵn vũ khí từ trước, do gia đình nhà bị cáo có nghề thuốc nam gia truyền nên con dao liềm là con dao bị cáo thường để sử dụng đi lấy cây thuốc nam trên núi, thường xuyên mang theo trong cốp xe máy, bị cáo không có ý thức tước đoạt tính mạng của anh K1 nên chỉ chém 01 nhát vào bả vai trái anh K1, khi anh K1 đã bỏ chạy vào vườn ươm, bị cáo có đuổi theo nhưng khi vào đến vườn ươm bị cáo đã chủ động vứt bỏ con dao xuống đất, điều này thể hiện bị cáo T không có ý thức tước đoạt tính mạng của anh K1. Vết thương giữa ngón tay I, II bàn tay trái của anh K1 là do anh K1 giằng co dao với bị cáo nên bị dao có cứa vào.

Từ những nhận định trên cho thấy cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội danh “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo thì thấy: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng nhằm đã khắc phục một phần hậu quả và bồi thường một phần cho người bị hại; Hành vi của bị cáo gây ra thương tích cho anh K1 một phần do lỗi của anh K1 đã có lời lẽ gây kích động đối với bị cáo, sau khi phạm tội bị cáo đã đến Công an xã Q đầu khu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46. Do vậy án sơ thẩm sau khi xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi của bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là có căn cứ.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T đã xuất trình thêm 01 biên lai thu tiền số AA/2015/0001903 ngày 10/11/2017 với nội dung bị cáo tự nguyện nộp tiếp 5.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L N để bồi thường cho người bị hại trước khi có quyết định thi hành án. Đây thể hiện ý thức bồi thường khắc phục hậu quả của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Do vậy cần giữ nguyên án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo là hoàn toàn phù hợp và có căn cứ pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Đồng Văn K1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ buộc bị cáo bồi thường cho anh K1 những chi phí hợp lý và phần thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho anh K1 trong thời gian anh K1 phải điều trị, phần mất thu nhập của anh K1, chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, bù đắp tổn thất về tinh thần mà anh K1 phải gánh chịu bao gồm:

- + Chi phí khám chữa bệnh tại phòng khám đa khoa Bắc Thăng Long: Tiền công khám chuyên khoa, khâu vết thương, tiêm huyết thanh uốn ván là 575.000 đồng, tiền mua thuốc 366.000 đồng những phiếu thu này đều ghi ngày 18/10/2016 của phòng khám đa khoa Bắc Thăng Long huyện L N;

- + Tiền viện phí 740.500 đồng theo hóa đơn bán hàng ghi ngày 24/10/2016 của bệnh viện đa khoa khu vực L N.

- + Thời gian anh K1 nằm điều trị ở viện từ ngày 21/10/2016 đến ngày 24/10/2016 là 04 ngày. Tại biên bản xác minh với UBND xã Q, huyện L N thì UBND xã Q xác nhận tiền thu nhập bình quân một lao động phổ thông thời điểm tháng 10/2016 ở địa phương là 130.000đồng/người/ngày. Như vậy, tiền mất thu nhập của anh K1 cùng 01 người chăm sóc cho anh K1 là 04 ngày x 130.000 đồng x 02 người = 1.040.000đồng.

- + Mức bù đắp tổn thất về tinh thần, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: Với thương tích 10%, Hội đồng xét xử xét thấy cần tính 10 tháng lương tối thiểu tại thời điểm tháng 10/2016. Theo quy định tại Nghị định 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 quy định về mức lương cơ sở từ ngày 01/5/2016 là 1.210.000 đồng/ tháng. Như vậy, mức bù đắp tổn thất về tinh thần, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe được tính là 10 tháng lương tối thiểu x 1.210.000 đồng = 12.100.000 đồng.

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Đồng Văn K1 là 14.821.000 đồng.

Án sơ thẩm đã buộc bị cáo bị cáo T phải bồi thường cho anh Đồng Văn K1 số tiền 14.821.000 đồng là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 741.050 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại Đồng Văn K1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do anh K1 không được chấp nhận kháng cáo nên áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội anh Đồng Văn K1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2, Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại anh Đồng Văn K1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; Các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, phải chịu thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L Nn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự. Điều 357; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Đồng Văn K1 số tiền 14.821.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm hai mươi một nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) là tiền bị cáo tự giao nộp tại cơ quan điều tra để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại. Nhưng tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001903 ngày 10/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L N, tỉnh Bắc Giang.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị cáo phải chịu án phí là 741.050 đồng (bảy trăm bốn mươi một nghìn không trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh Đồng Văn K1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Bạch Đăng Thi**